



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0200453688

ngày 27 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 27 tháng 6 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

**Trụ sở đăng ký**

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 8 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-130-b



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2016

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>506.177.856.391</b>	<b>610.266.163.856</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>187.455.450.904</b>	<b>280.989.840.262</b>
Tiền	111		33.879.950.904	30.597.340.262
Các khoản tương đương tiền	112		153.575.500.000	250.392.500.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	20.000.000.000	70.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>284.038.145.677</b>	<b>245.520.689.131</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	54.300.473.284	50.145.092.624
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.101.280.484	1.064.627.418
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	19.890.433.308	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	209.064.287.122	194.629.297.610
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>11.005.552.899</b>	<b>8.427.444.965</b>
Hàng tồn kho	141		11.005.552.899	8.427.444.965
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.678.706.911</b>	<b>5.328.189.498</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.187.093.545	5.325.239.664
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		491.613.366	2.949.834

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>937.853.681.316</b>	<b>788.192.043.387</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>76.839.317.025</b>	<b>92.019.333.333</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	76.839.317.025	92.019.333.333
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131.376.782.781</b>	<b>145.941.744.249</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	121.316.144.996	135.298.798.152
<i>Nguyên giá</i>	222		404.353.183.155	405.876.992.678
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(283.037.038.159)	(270.578.194.526)
Tài sản cố định vô hình	227	11	10.060.637.785	10.642.946.097
<i>Nguyên giá</i>	228		12.083.067.663	12.083.067.663
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.022.429.878)	(1.440.121.566)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>30.466.364</b>	<b>30.466.364</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30.466.364	30.466.364
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>714.945.000.000</b>	<b>531.545.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		631.925.000.000	448.525.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		82.710.000.000	82.710.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		310.000.000	310.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.662.115.146</b>	<b>18.655.499.441</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	14.662.115.146	18.655.499.441
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.444.031.537.707</b>	<b>1.398.458.207.243</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>182.603.148.096</b>	<b>198.034.112.811</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182.563.148.096</b>	<b>193.305.792.811</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	49.632.763.835	46.989.577.434
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.412.364.537	875.813.183
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	12.252.333.865	15.615.168.560
Phải trả người lao động	314		10.270.458.863	23.464.040.782
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	245.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	52.811.791.379	65.319.026.951
Vay ngắn hạn	320	16	9.472.160.000	4.868.640.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.982.000.000	3.982.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	42.729.275.617	31.946.525.901
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.000.000</b>	<b>4.728.320.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		40.000.000	40.000.000
Vay dài hạn	338	16	-	4.688.320.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.261.428.389.611</b>	<b>1.200.424.094.432</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>1.261.428.389.611</b>	<b>1.200.424.094.432</b>
Vốn cổ phần	411	19	455.571.420.000	414.160.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.571.420.000	414.160.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	595.470.662.363	537.161.063.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	174.244.416.002	212.960.720.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.144.050.187	(17.123.058.783)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		126.100.365.815	230.083.778.927
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.444.031.537.707</b>	<b>1.398.458.207.243</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này




**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>231.280.315.000</b>	<b>326.144.249.201</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>138.333.552.521</b>	<b>193.497.443.842</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>92.946.762.479</b>	<b>132.646.805.359</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	59.849.529.315	56.831.945.491
Chi phí tài chính	22	26	440.804.809	502.176.936
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		196.283.584	107.819.265
Chi phí bán hàng	25		32.727.373	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.519.627.087	7.055.421.706
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>144.803.132.525</b>	<b>181.921.152.208</b>
Thu nhập khác	31		360.000.000	91.015.161
Chi phí khác	32		-	2.228.008.495
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>360.000.000</b>	<b>(2.136.993.334)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>145.163.132.525</b>	<b>179.784.158.874</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>19.062.766.710</b>	<b>26.828.960.053</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>126.100.365.815</b>	<b>152.955.198.821</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:

  
 Trương Lý Thế Anh  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:

  
 Trần Xuân Bảo  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>145.163.132.525</b>	<b>179.784.158.874</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	14.564.961.468	14.957.058.920
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	43.305.831	77.747.733
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(60.112.131.970)	(54.291.223.277)
Chi phí lãi vay	06	196.283.584	107.819.265
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>99.855.551.438</b>	<b>140.635.561.515</b>
Biến động các khoản phải thu	09	26.117.948.971	32.873.707.715
Biến động hàng tồn kho	10	(2.578.107.934)	(1.924.101.103)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(24.649.720.429)	4.334.116.480
Biến động chi phí trả trước	12	3.993.384.295	3.887.485.664
		<b>102.739.056.341</b>	<b>179.806.770.271</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(196.283.584)	(184.333.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.758.161.845)	(28.449.697.661)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.649.482.587	3.339.149.833
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.713.278.920)	(10.535.270.087)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>70.720.814.579</b>	<b>143.976.618.874</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	360.000.000	13.672.545.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(36.000.000.000)	(49.892.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	84.831.982.900	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(183.600.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	200.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	11.465.528.561	6.731.605.676
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(122.742.488.539)</b>	<b>(29.488.348.870)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả cổ tức	36	(41.372.023.750)	(17.473.435.325)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(41.372.023.750)</b>	<b>(17.473.435.325)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(93.393.697.710)</b>	<b>97.014.834.679</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	280.989.840.262	128.764.748.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(140.691.648)	267.853
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>187.455.450.904</b>	<b>225.779.850.697</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 329 nhân viên (1/1/2016: 339 nhân viên).

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## Công ty Cổ phần Container Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 23 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm

#### (g) Tài sản cố định vô hình

##### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

##### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(n) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	842.568.798	410.826.726
Tiền gửi ngân hàng	33.037.382.106	30.186.513.536
Các khoản tương đương tiền	153.575.500.000	250.392.500.000
	<hr/>	<hr/>
	187.455.450.904	280.989.840.262
	<hr/>	<hr/>

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	70.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào:

**Công ty con**

- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung
- Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Tuyển T.S
- Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh
- Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh
- Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP

**Công ty liên kết**

- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

**Đơn vị khác**

- Công ty TNHH MSC Việt Nam

	Địa chỉ	30/6/2016			1/1/2016		
		Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết
							Giá gốc (*) VND
	Hải Phòng		100%	100%		100%	15.000.000.000
	Đà Nẵng	1.982.500	65%	65%	1.982.500	65%	19.825.000.000
	Thành phố Hồ Chí Minh		100%	100%		100%	6.000.000.000
	Thành phố Hồ Chí Minh		-	-		100%	200.000.000
	Hải Phòng		100%	100%		100%	90.000.000.000
	Hải Phòng		100%	100%		100%	25.000.000.000
	Hải Phòng	42.750.000	74%	74%	29.250.000	65%	292.500.000.000
	Đà Nẵng	1.110.000	31%	31%	1.110.000	31%	12.210.000.000
	Hải Phòng	7.050.000	17,6%	22%	7.050.000	22%	70.500.000.000
	Thành phố Hồ Chí Minh		10%	10%		10%	310.000.000
							714.945.000.000
							531.545.000.000

(\* ) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là bên liên quan:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Khách hàng là bên liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.902.677.210	456.626.860
<b>Khách hàng là bên thứ ba</b>		
▪ Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	8.002.204.598	7.963.587.548
▪ Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	7.613.624.721	5.505.268.102
▪ Chi nhánh Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam tại Hải Phòng	6.564.605.390	4.769.633.817
▪ Hanjin Shipping Co., Ltd.	4.257.707.491	152.824.098
▪ Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	-	12.997.042.673
▪ Công ty TNHH OOCL Việt Nam	-	3.388.406.270
▪ Các khách hàng khác	25.959.653.874	14.911.703.256
	<hr/> 54.300.473.284	<hr/> 50.145.092.624

Khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu về cho vay**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (*)</b>		
▪ Khoản gốc cho vay	86.000.000.000	90.000.000.000
▪ Tiền lãi cho vay nhập gốc	5.561.733.233	2.019.333.333
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Container Miền Trung (**)</b>		
▪ Khoản gốc tiền cho vay	5.168.017.100	-
	<hr/> 96.729.750.333	<hr/> 92.019.333.333
Phải thu về cho vay trong vòng 12 tháng	19.890.433.308	-
Phải thu về cho vay sau 12 tháng	<hr/> 76.839.317.025	<hr/> 92.019.333.333

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 1,8%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (\*\*) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	165.724.264.582	157.640.035.386
▪ Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	24.131.373.162	22.631.373.162
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	16.616.729.624	12.971.338.065
▪ Công ty TNHH Tuyển T.S	-	103.738.758
	206.472.367.368	193.346.485.371
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.591.919.754	1.282.812.239
	209.064.287.122	194.629.297.610

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

**9. Hàng tồn kho**

	30/6/2016 VND	Giá gốc 1/1/2016 VND
Nguyên vật liệu	10.438.591.455	7.879.763.361
Công cụ và dụng cụ	3.845.590	2.162.590
Hàng hóa	563.115.854	545.519.014
	11.005.552.899	8.427.444.965

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	155.503.110.307	1.497.492.429	7.606.926.972	241.269.462.970	405.876.992.678
Thanh lý	-	-	-	(1.523.809.523)	(1.523.809.523)
Số dư cuối kỳ	155.503.110.307	1.497.492.429	7.606.926.972	239.745.653.447	404.353.183.155
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	108.073.510.701	1.405.953.377	4.730.636.968	156.368.093.480	270.578.194.526
Khấu hao trong kỳ	5.481.799.375	48.470.673	468.646.806	7.983.736.302	13.982.653.156
Thanh lý	-	-	-	(1.523.809.523)	(1.523.809.523)
Số dư cuối kỳ	113.555.310.076	1.454.424.050	5.199.283.774	162.828.020.259	283.037.038.159
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	47.429.599.606	91.539.052	2.876.290.004	84.901.369.490	135.298.798.152
Số dư cuối kỳ	41.947.800.231	43.068.379	2.407.643.198	76.917.633.188	121.316.144.996

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 149.008 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 125.770 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 38.177 triệu VND (1/1/2016: 41.273 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	5.355.027.273	6.728.040.390	12.083.067.663
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	1.440.121.566	1.440.121.566
Khấu hao trong kỳ	-	582.308.312	582.308.312
Số dư cuối kỳ	-	2.022.429.878	2.022.429.878
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	5.287.918.824	10.642.946.097
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	4.705.610.512	10.060.637.785

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu kỳ	18.655.499.441
Tăng trong kỳ	8.275.425.417
Phân bổ trong kỳ	(12.268.809.712)
Số dư cuối kỳ	14.662.115.146

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Người bán là bên liên quan</i>		
Công ty con:		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	7.301.905.460	3.029.003.166
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	5.522.754.050	1.935.022.925
▪ Công ty TNHH MTV Bến Xanh	875.164.123	1.298.909.233
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	852.194.930	3.435.026.537
Công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	10.403.809.984	15.850.750.680
	<hr/>	<hr/>
	24.955.828.547	25.548.712.541
<i>Người bán là bên thứ ba</i>		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	8.919.589.867	11.006.744.137
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	5.708.970.246	3.223.038.850
▪ Các nhà cung cấp khác	10.048.375.175	7.211.081.906
	<hr/>	<hr/>
	49.632.763.835	46.989.577.434

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	42.669.946	14.748.817.484	(14.438.980.046)	352.507.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.494.877.821	19.062.766.710	(22.758.161.845)	7.799.482.686
Thuế thu nhập cá nhân	239.216.000	1.851.949.193	(1.046.588.593)	1.044.576.600
Các loại thuế khác	3.838.404.793	20.728.422.715	(21.511.060.313)	3.055.767.195
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	15.615.168.560	56.391.956.102	(59.754.790.797)	12.252.333.865



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>		
Công ty con:		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	4.751.370.417	11.608.399.426
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	30.000.000
▪ Công ty TNHH Tuyển T.S	-	200.000.000
	<hr/> 4.751.370.417	<hr/> 11.838.399.426
<b><i>Phải trả các bên thứ ba</i></b>		
Kinh phí công đoàn	3.560.046.055	3.800.783.913
Các khoản thu hộ hãng tàu	42.842.908.876	48.794.282.310
Cổ tức phải trả	662.298.675	618.280.425
Các khoản phải trả, phải nộp khác	995.167.356	267.280.877
	<hr/> 52.811.791.379	<hr/> 65.319.026.951

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**16. Vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Khoản vay ngân hàng	USD	4%	2017	9.472.160.000	9.556.960.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(9.472.160.000)	(4.868.640.000)
				<hr/> -	<hr/> 4.688.320.000

Khoản vay ngân hàng của Công ty được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 38.177 triệu VND (1/1/2016: 41.273 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	31.946.525.901	35.263.704.694
Trích lập trong kỳ	21.496.028.636	17.781.991.816
Sử dụng trong kỳ	(10.713.278.920)	(10.535.270.087)
Số dư cuối kỳ	42.729.275.617	42.510.426.423

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015</b>	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	434.598.341.042	190.065.625.774	996.914.650.346
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	152.955.198.821	152.955.198.821
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	(102.223.212.241)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.781.991.816)	(17.781.991.816)
Cổ tức	68.745.010.000	-	-	-	(85.932.480.500)	(17.187.470.500)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.251.000.000)	(1.251.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	414.160.420.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	536.821.553.283	135.832.140.038	1.113.649.386.851
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016</b>	414.160.420.000	36.141.891.246	-	537.161.063.042	212.960.720.144	1.200.424.094.432
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	126.100.365.815	126.100.365.815
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	58.309.599.321	(58.309.599.321)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.496.028.636)	(21.496.028.636)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	41.411.000.000	-	-	-	(82.827.042.000)	(41.416.042.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.184.000.000)	(2.184.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>	455.571.420.000	36.141.891.246	-	595.470.662.363	174.244.416.002	1.261.428.389.611

## Công ty Cổ phần Container Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2016		30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ để trả cổ tức (Thuyết minh 20)	4.141.100	41.411.000.000	6.874.501	68.745.010.000
Số dư cuối kỳ	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

## 20. Cổ tức

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2015 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 41.416 triệu VND.

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Ngày 20 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 4.141.100 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.260.944.800	3.260.944.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	13.043.779.200
Sau năm năm	27.980.250.155	29.606.255.507
	<hr/>	<hr/>
	44.284.974.155	45.910.979.507
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	1.246.220	27.870.459.005	1.202.173	27.024.359.614
	<hr/>		<hr/>	

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	10.204.119.543	12.969.812.543
Doanh thu cung cấp dịch vụ	221.076.195.457	313.174.436.658
	<hr/>	
	231.280.315.000	326.144.249.201
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.266.644.597	9.922.075.604
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	129.066.907.924	183.575.368.238
	<hr/>	<hr/>
	138.333.552.521	193.497.443.842
	<hr/>	<hr/>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	9.342.928.461	4.031.605.676
Cổ tức và lợi nhuận được chia	50.409.203.509	52.487.626.096
Lãi chênh lệch tỷ giá	97.397.345	312.713.719
	<hr/>	<hr/>
	59.849.529.315	56.831.945.491
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	196.283.584	107.819.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá	140.782.467	394.357.671
Chi phí tài chính khác	103.738.758	-
	<hr/>	<hr/>
	440.804.809	502.176.936
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.041.267.848	15.433.490.976
Chi phí nhân công	23.956.316.139	33.066.494.566
Chi phí khấu hao	14.564.961.468	14.957.058.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.754.135.094	115.955.308.621
Chi phí khác	15.569.226.432	21.140.512.465

**28. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	145.163.132.525	179.784.158.874
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	29.032.626.505	39.552.514.952
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	-	(1.208.297.888)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	111.980.907	32.020.730
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(10.081.840.702)	(11.547.277.741)
	19.062.766.710	26.828.960.053

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2016 (năm 2015: 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh cầu cảng số 2 thuộc Xí nghiệp Cảng Viconship và 22% trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác).

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</b>		
▪ Bán hàng hóa	4.791.047.381	7.426.151.613
▪ Cung cấp dịch vụ	1.332.070.000	1.695.535.000
▪ Sử dụng dịch vụ	8.639.219.636	9.264.869.150
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	6.968.928.959	3.964.783.773
<b>Công ty TNHH Container Miền Trung</b>		
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.965.000.000	4.827.512.517
▪ Cho vay dài hạn	6.000.000.000	-
▪ Nhận tiền trả gốc vay	831.982.900	-
<b>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</b>		
▪ Sử dụng dịch vụ	82.663.436	78.560.019
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	451.745.546
<b>Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh</b>		
▪ Bán hàng hóa	1.309.798.577	1.673.231.103
▪ Cung cấp dịch vụ	160.000.000	-
▪ Sử dụng dịch vụ	3.149.025.670	4.809.225.107
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.149.025.670	14.581.465.043
<b>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</b>		
▪ Bán hàng hóa	1.549.992.786	1.361.901.608
▪ Cung cấp dịch vụ	1.074.755.904	395.125.145
▪ Sử dụng dịch vụ	17.229.222.344	20.471.034.563
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	28.849.954.016	25.840.668.132
<b>Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP</b>		
▪ Bán hàng hóa	2.553.280.799	-
▪ Cung cấp dịch vụ	9.447.529.993	-
▪ Sử dụng dịch vụ	799.901.768	-
▪ Cho vay dài hạn	-	50.000.000.000
▪ Lãi vay nhập gốc cho vay	3.542.399.900	-
▪ Nhận tiền trả gốc vay	4.000.000.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</b>		
▪ Sử dụng dịch vụ	15.934.980.088	35.110.478.846



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	1.673.117.182	1.543.294.991
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
▪ Thù lao	2.184.000.000	1.251.000.000

**30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	41.411.000.000	68.745.010.000
Nhập lãi vay vào gốc cho vay	3.542.399.900	-

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc